

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 03/2020/DS-ST

Ngày: 24-7-2020

Về việc tranh chấp đòi lại tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hải**

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Quý Đôn**

Ông **Trương Thanh Vân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Vũ Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Hồng Nhi** – Kiểm sát viên.

Ngày 24/7/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 162/2018/QĐ - PT ngày 26 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **He Dao S**, sinh năm 1974; cư trú: 2-69 Thôn Đào Tây, Trảng Quát Thương, thành phố Lâm Hải, tỉnh T, Trung Quốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông **P**, sinh năm: 1985. (có mặt). cư trú: 58C, Hùng Vương, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn:

1. Ông **Trần Văn T**, sinh năm: 1972. (vắng mặt)

2. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1979. (vắng mặt)

Cùng cư trú:: 145B/7, Khu vực Bình Dương, phường L, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Chị **N**, sinh năm: 1998. (vắng mặt)

Cư trú: 145B/7, Khu vực Bình Dương, phường L, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. (là con các bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn có đại diện uỷ quyền ông **P** trình bày: Vào đầu tháng 6/2018 theo thỏa thuận giữa ông He Dao S và ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị T về việc ông gửi cho gia đình ông T, chị T

100.000.000 đồng và 01 lượng vàng 24K để tặng cho gia đình với mục đích thực hiện việc kết hôn và chung sống vợ chồng với chị N. Hai bên thống nhất là nếu chị không đồng ý đăng ký kết hôn với nguyên đơn thì sẽ trả lại số tiền và vàng nói trên cho nguyên đơn. Việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, nguyên đơn không hề ép buộc cũng như tác động gì đến quyết định đồng ý của gia đình cũng như của chị T. Tuy nhiên, sau khi tổ chức lễ cưới thì chị T bỏ về gia đình mẹ ruột và không tiến hành đăng ký kết hôn với nguyên đơn.

Do hôn nhân không thành, chưa đăng ký kết hôn, không phải lỗi của nguyên đơn nên nguyên đơn kiện yêu cầu ông T, bà T phải trả số tiền 100.000.000 đồng và 01 lượng vàng 24K cho nguyên đơn.

Theo bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà thừa nhận phía nguyên đơn là ông He Dao S có giao cho bà 100.000.000 đồng. Số vàng là 01 lượng vàng cho chị T vào ngày đám cưới bà biết việc này. Lúc đầu, do mai mối nói con rể là người Hàn Quốc nên gia đình đồng ý mới tổ chức lễ cưới. Đám cưới diễn ra vào ngày 24/4/2018 (âm lịch). Đến ngày 29/4/2018 (âm lịch) khi con bà đã chung sống được 05 ngày thì mới phát hiện ra con rể là người Trung Quốc nên con gái bà không đồng ý. Nay, nguyên đơn kiện yêu cầu vợ chồng bà có trách nhiệm trả 100.000.000 đồng và 01 lượng vàng 24K bà không đồng ý vì đã chi xài hết.

Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 28/11/2019 bà T đồng ý trả lại phân nửa số tiền, vàng bà đã nhận là $135.000.000 : 2 = 67.500.000$ đồng.

Tại bản tự khai ngày 29/11/2019 bị đơn ông Trần Văn T trình bày: Ông có nghe nói đến số tiền 100.000.000 đồng mà nguyên đơn đã giao cho bà Thu để thực hiện việc lo đám cưới, còn 01 lượng vàng 24K giao cho chị T làm trang sức, ông không liên quan trong vụ này, đồng thời do bận công việc nên đề nghị xét xử vắng mặt ông.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu T, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không có mặt.

Vụ án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự do người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu T vắng mặt không có lý do, nên vụ kiện được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên Tòa sơ thẩm nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả 67.500.000 đồng. Phía bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Đương sự và Tòa án nhân dân các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng Dân sự. Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét quan hệ pháp luật: đây là vụ kiện “Tranh chấp đòi lại tài sản” nguyên đơn ông He Dao S là người nước ngoài (Trung Quốc), nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ theo Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét tư cách tố tụng: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T trả lại 100.000.000 đồng và 01 lượng vàng 24K, ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu T được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, vì thế căn cứ theo khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của bị đơn nhận thấy: Nguyên đơn và chị Nguyễn Thị Thu T tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới nhưng chưa đăng ký kết hôn. Nguyên đơn có đưa cho bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T số tiền 100.000.000 đồng và 01 lượng vàng 24K - 9999 để làm chi phí đám cưới và cho vàng cô dâu là chị T. Tuy nhiên, khi chung sống vợ chồng được 05 ngày thì chị T phát hiện nguyên đơn là người Trung Quốc không phải người Hàn Quốc nên đã bỏ về nhà cha mẹ ruột.

Qua yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù chị T và nguyên đơn chưa đăng ký kết hôn nên không xem là vợ chồng theo quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, nguyên đơn không yêu cầu vấn đề hôn nhân mà yêu cầu đòi lại tài sản mà bị đơn đã nhận.

[2.2] Theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự: *“Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật”*. Theo quy định này nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận là nguyên đơn tặng cho tài sản trên với mục đích là tặng cho cô dâu làm sính lễ trong ngày cưới và một khoản tiền để tổ chức lễ cưới. Phía bị đơn đồng ý nhận xem như chấp nhận việc tổ chức đám cưới nhưng sau đó việc hôn nhân bất thành nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi lại số vàng và tiền nói trên là có cơ sở. Bà T cũng thừa nhận có việc này, ông T có nghe nói nhưng cho rằng không liên quan, tuy nhiên không có chứng cứ chứng minh.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đồng ý nhận lại số tiền và vàng quy ra tiền là 67.500.000 đồng. Bị đơn bà Nguyễn Thị T tại biên bản ghi khai ngày 28/11/2019 đồng ý trả phân nửa số vàng và tiền như nguyên đơn đã khởi kiện (Nguyên đơn khởi kiện 135.000.000 đồng). Do hai bên thống nhất số tiền phải trả nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự thỏa thuận này, tuy nhiên tại phiên tòa xét xử phía bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử không thể công nhận sự tự thỏa thuận này mà phải tuyên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn mới phù hợp.

[3] Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 37, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự. Nghị Quyết 326/NQ ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 về thu, nộp, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho ông He Dao S số tiền là 67.500.000 đồng (sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn ông T và bà T chưa trả số tiền trên thì phải trả lãi theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông T và bà T phải chịu 3.375.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 3.400.000 đồng theo biên lai số 001238 ngày 19/7/2018 tại Cục Thi hành án Dân sự thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn ông He Dao S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T và người có quyền và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp Cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- Cục THA TPCT;
- Lưu (HS - 2b).

Đã ký

Nguyễn Văn Hải

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quý Đôn – Trương Thanh Vân

Nguyễn Văn Hải